

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 21 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát
Ông Nguyễn Văn Khôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2018 đến ngày 21/7/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Vi Văn K, sinh năm 1995 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K1 và bà Vi Thị H; có vợ là Lương Thùy T và có 1 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2018 đến ngày 21/7/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

* *Bị hại:* Nguyễn Thị K2, sinh 1958. Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vi Văn Đ1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khu 6, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/7/2018, Nguyễn Văn Đ và Vi Văn K rủ nhau đi bộ đến Chợ trung tâm thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang với mục đích nếu thấy tài sản của ai để sơ hở sẽ trộm cắp. Đ và K đi qua gian hàng bán quần áo của bà Nguyễn Thị K2, quan sát thấy bà K2 để một chiếc túi xách màu đen dưới nền nhà ở giữa gian hàng, cho rằng trong túi có tiền nên Đ và K nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi xách đó. Đ bảo K đi ra chỗ thử quần áo giả vờ hỏi xem, chọn quần áo để đánh lạc hướng bà K2, tạo điều kiện cho Đ trộm cắp chiếc túi xách; khi thấy bà K2 sơ hở, mất cảnh giác, Đ nhanh tay lấy trộm chiếc túi xách rồi bỏ chạy, quan sát thấy Đ đã lấy được chiếc túi xách của bà K2, K cũng bỏ đi và chạy theo Đ. Ngay sau đó bà K2 đã phát hiện bị Đ và K lấy trộm chiếc túi xách nên hô hào mọi người đuổi theo và gọi điện báo cho lực lượng Công an để truy đuổi; lực lượng Công an đuổi đến khu Đ, thị trấn A, huyện S thì bắt giữ được Đ và K, thu giữ 01 chiếc túi xách màu đen bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu trắng – đen, số tiền 2.105.000đồng; ngoài ra còn thu giữ của Đ 01 con dao bằng kim loại dài 34,5cm (mũi bằng); lực lượng Công an đưa Đ và K về trụ sở Công an huyện S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

2. Tại bản Kết luận xác định giá trị tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 30/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Động kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu trắng – đen trị giá = 500.000đ, chiếc sim có số thuê bao 0984845165 trị giá = 50.000đ; 01 chiếc túi xách màu đen có quai đeo trị giá = 30.000đ.

Tổng trị giá tài sản mà Đ và K trộm cắp của bà K2 là 2.685.000đ (Hai triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ còn khai: Ngày 16/7/2018, Đ một mình trộm cắp 01 chiếc máy hàn điện nhãn hiệu WELDCOM loại VARC- 200 của anh Vi Văn Đ1; chiếc máy hàn điện này được Hội đồng định giá tài sản kết luận trị giá 1.200.000đ (Một triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn). Xác định hành vi trộm cắp này của Nguyễn Văn Đ không cấu thành tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã yêu cầu và Công an huyện Sơn Động đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Đ. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xác định Nguyễn Văn Đ thực hiện liên tục hai hành vi trộm cắp tài sản (cách nhau 2 ngày) nên đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu truy tố Đ về tổng giá trị tài sản của hai lần trộm cắp là 3.885.000đồng nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động chỉ xét xử Nguyễn Văn Đ về hành vi và tội danh bị truy tố.

4. Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-SĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

5. Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 (đối với Đ), Điều 65 (đối với K) của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù, xử phạt Vi Văn K từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; miễn phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại bà Nguyễn Thị K2 số tiền 2.105.000đ, tịch thu 01 con dao thu giữ của Nguyễn Văn Đ để tiêu hủy; bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi văn K.

- Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K đều thành khẩn khai báo và thừa nhận bản Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng người, đúng tội; các bị cáo đều xác định bản thân các bị cáo đều nghiện ma túy, nếu các bị cáo không bị bắt thì số tiền chiếm đoạt được các bị cáo sẽ dùng để mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Các bị cáo đều thể hiện sự ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận ngày 18/7/2018, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K đã thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị K2 01 chiếc túi xách màu đen bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 301 màu trắng – đen và số tiền 2.105.000đ, tổng trị giá tài sản của bà K2 bị Đ và K chiếm đoạt là 2.685.000đ (Hai triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn) . Hành vi đó của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù các bị cáo đã rủ nhau, cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ hoặc phân công, tính toán tỉ mỉ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ

chức, trường hợp này là đồng phạm có tính chất giản đơn. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân; các bị cáo phạm tội giữa ban ngày, tại nơi đông người, chứng tỏ các bị cáo rất liều lĩnh, táo bạo, coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường mọi người xung quanh. Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp thực hành nên Đ là người giữ vai trò chính; bị cáo Vi Văn K đã tiếp nhận ý chí của Đ, có động tác để người bị hại sơ hở, mất cảnh giác, tạo điều kiện cho Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên K giữ vai trò giúp sức. Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo nhằm có tiền mua ma túy sử dụng thỏa mãn cơn nghiện và tiêu sài cá nhân.

[3] Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, ngoài hành vi phạm tội nêu trên thì trước đó bị cáo còn thực hiện 01 hành vi trộm cắp khác, do giá trị tài sản của lần trộm cắp đó dưới 2.000.000đ nên hành vi đó bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

Đối với bị cáo Vi Văn K: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào vai trò, nhân thân của từng bị cáo, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; bị cáo Vi Văn K phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ, đúng với chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản và sống phụ thuộc gia đình, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu giữ ngay khi bắt quả tang, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho người bị hại là bà Nguyễn Thị K2 01 chiếc túi xách và 01 chiếc điện thoại di động; số tiền 2.105.000đồng chưa xử lý cần trả lại cho chủ sở hữu là bà K2.

Anh Vi Văn Đ1 đã được nhận lại chiếc máy hàn điện do Nguyễn Văn Đ trộm cắp ngày 16/7/2018, anh Đ1 không yêu cầu gì về bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Khi bắt quả tang có thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 con dao mũi bằng dài 34,5cm, mặc dù con dao này không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng con dao là công cụ nguy hiểm giá trị không đáng kể nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] **Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo Vi Văn K là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo K được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Vi Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
1- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; bị cáo được khấu trừ 03 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 18/7/2018 đến ngày 21/7/2018).

2- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2018).

Giao bị cáo Vi Văn K cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bà Nguyễn Thị K2 số tiền 2.105.000đ (Hai triệu, một trăm linh năm nghìn đồng chẵn) đựng trong 01 phong bì có dấu của Cơ quan điều tra.

- Tịch thu của Nguyễn Văn Đ 01 con dao bằng kim loại (dao bằng) dài 34,5cm để tiêu hủy.

Những vật chứng nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

4- Về Án phí:

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn K.

Bị cáo có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thái